TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM ĐẢO** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28-11-2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Ngọc Đĩnh và ông Lê Duy Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Tr, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Huy Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Tr, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Bùi Huy Đ kết hôn ngày 31/10/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về sống chung cùng gia đình anh Đ. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Từ năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ chơi bời, vay nợ nhiều, không quan tâm đến gia đình, chị và gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng anh Đ không thay đổi nên chị bỏ đi làm ăn xa, từ tháng 7/2019 anh chị sống ly thân, không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau. Chị xác định tình cảm không còn, không thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Bùi Ngọc Á, sinh ngày 10/5/2013 và Bùi Ánh D, sinh ngày 25/7/2015, hiện đang ở

cùng anh Đ. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Bùi Ánh D, anh Đ nuôi dưỡng cháu Bùi Ngọc Á, chị và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Huy Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận như chị L trình bày về quá trình chung sống, thời điểm ly thân nhưng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng do chị L có quan hệ ngoại tình. Anh xác định tình cảm vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn chị L.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Anh thừa nhận như chị L trình bày. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L, cho chị L được ly hôn anh Bùi Huy Đ; Giao cho chị Bùi Thị L nuôi dưỡng cháu Bùi Ánh D, anh Đ nuôi dưỡng cháu Bùi Ngọc Á, chị L và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Bùi Huy Đ; anh Đ có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Bùi Huy Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến tháng 07/2019 anh chị sống ly thân, không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì đến nhau. Tòa án tiến hành hòa giải nhưng anh chị không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh Đ mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị L kiên quyết xin ly hôn. Quá trình làm việc với gia đình và địa phương, thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh Đ không chịu khó làm ăn, vay nợ nhiều; mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng anh Đ không thay đổi. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của chị L và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L ly hôn anh Đ là phù hợp.

[3]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị L và anh Đ xác định vợ chồng có 02 con chung. Ly hôn, chị L đề nghị được nuôi dưỡng cháu D, anh Đ nuôi dưỡng cháu Á, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ đề nghị được nuôi

dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện nhưng để đảm bảo quyền lợi của hai bên cũng như việc chăm sóc các cháu thấy cần giao cho chị L nuôi dưỡng cháu D, anh Đ nuôi dưỡng cháu Á, chị L và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4]. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Bùi Huy Đ.

2. Giao cho chị Bùi Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Ánh D, sinh ngày 25/7/2015; anh Bùi Huy Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Ngọc Á, sinh ngày 10/8/2013. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Các đương sự có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu về cấp dưỡng.

3. Chị Bùi Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số: 0001293, ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã B, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu